

## HỒ CHÍ MINH VỚI SƠ THẢO LẦN THỨ NHẤT NHỮNG LUẬN CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA CỦA V.I. LÊNIN

Lại Quốc Khánh<sup>(1)</sup>

1. Trong cuộc đời hoạt động lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh, bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* (ở đây gọi tắt là Luận cương) của Lênin có ảnh hưởng rất lớn đối với Người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhớ lại: “Luận cương của Lênin làm tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”[5, tr.127].

Bản thân Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định tầm quan trọng của bản Luận cương này. Trong bài *Đông Dương* (4/1941), Người viết: “Quốc tế Cộng sản đã làm cho vấn đề thuộc địa có được tầm quan trọng xứng đáng với nó bằng cách coi nó là thuộc về những vấn đề thời sự khẩn trương nhất”[3, tr.27]. Trong bài *Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa* (25/5/1922), Người viết: “Trong những luận cương về vấn đề thuộc địa, Lênin đã tuyên bố rõ rệt rằng “nhiệm vụ của công nhân ở các nước đi chiếm thuộc địa là phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng của các nước phụ thuộc”[3, tr.63]. Trong bài phát biểu tại phiên họp thứ 22 Đại hội V Quốc tế Cộng sản (1/7/1924), Hồ Chí Minh viết:

“Theo Lênin, cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước nô dịch và vấn đề dân tộc, như Lênin đã dạy chúng ta, chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản”[3, tr.277].

Cùng với bản Luận cương trừ danh này, một văn kiện quan trọng khác do Lênin thảo ra cũng được Hồ Chí Minh nhắc đến nhiều lần. Văn kiện đó là *Những điều kiện kết nạp vào Quốc tế Cộng sản*, đặc biệt là điều thứ 8. Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn nhắc đến Nghị quyết của Đại hội II Quốc tế Cộng sản như trong đoạn văn mà chúng ta đã dẫn ở trên. Điều này cho thấy là sau khi đọc Luận cương của Lênin bị thuyết phục bởi tư tưởng của Luận cương, Hồ Chí Minh đã tìm đọc một loạt các văn kiện quan trọng khác do Lênin soạn thảo để thông qua tại Đại hội II Quốc tế Cộng sản.

Về bản Luận cương và giá trị của nó đối với cách mạng Việt Nam, chúng tôi thấy còn có hai đánh giá của Hồ Chí Minh trong các bài *Lênin và các dân tộc thuộc địa* (1925) và *Lênin và Phương Đông* (21/1/1926). Hai đoạn văn này có nội dung tương tự nhau và vì tính chất quan trọng của nó, chúng tôi dẫn ra ở đây một đoạn trong bài “Lênin và Phương Đông”:

<sup>(1)</sup> ThS., Bộ môn Khoa học Chính trị, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội



*"Lênin là người đầu tiên đã đặt cơ sở cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa.*

Lênin là người đầu tiên đã kiên quyết lên án mọi thành kiến đối với nhân dân các nước thuộc địa đã ăn sâu vào tận xương tuỷ của nhiều công nhân châu Âu và châu Mỹ. Những Luận cương của Lênin về vấn đề thuộc địa được Quốc tế Cộng sản tán thành đã gây ra một cuộc cách mạng hoàn chỉnh trong tất cả các nước bị áp bức trên thế giới.

Đồng chí Lênin là người đầu tiên đã nhấn mạnh và nhận thức hết tầm quan trọng to lớn của việc giải quyết một cách đúng đắn vấn đề thuộc địa đối với cách mạng thế giới [...].

Lênin là người đầu tiên đã nhận thức và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng [...].

[...]Lênin đã nhận thấy rằng muốn cho công tác trong các nước thuộc địa được thành công tốt đẹp thì cần phải lợi dụng triệt để phong trào giải phóng dân tộc trong các nước đó, rằng giai cấp vô sản trên thế giới, bằng việc ủng hộ phong trào ấy sẽ có nhiều bạn đồng minh mới hùng mạnh trong cuộc đấu tranh của mình cho cách mạng xã hội.

[...]Sách lược của Lênin về vấn đề này [...] đã ngày càng lôi cuốn được những phần tử ưu tú và tích cực ở các nước thuộc địa vào phong trào cộng sản [...].

Đối với tất cả các dân tộc bị áp bức và bị nô dịch, Lênin đã thể hiện một bước ngoặt trong lịch sử cuộc đời đau khổ và bị mất quyền của họ, là tượng trưng cho một tương lai mới, xán lạn"[4, tr.219-220].

Như thế, qua những đánh giá của Hồ Chí Minh, ta đã bước đầu thấy được tầm

quan trọng của Luận cương và những nội dung cụ thể của Luận cương mà Hồ Chí Minh đã tiếp thu. Việc tiếp tục làm rõ ảnh hưởng của bản Luận cương đối với Hồ Chí Minh có ý nghĩa lý luận quan trọng, không chỉ do chỗ việc làm ấy sẽ giúp chúng ta hiểu đầy đủ hơn về bước phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh từ một chiến sĩ yêu nước trở thành một chiến sĩ cộng sản, mà còn cung cấp cơ sở để chúng ta hiểu sâu hơn về những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam.

**2. Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa** do Lênin viết để chuẩn bị cho Đại hội II Quốc tế Cộng sản được đăng trên tạp chí Quốc tế Cộng sản số II và được đăng lại trên 2 số ngày 16 và 17/7/1920 của báo Nhân đạo, cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp. Sơ thảo bao gồm 12 luận cương, đề cập tới những vấn đề cơ bản sau:

*Thứ nhất*, giai cấp tư sản, do bản chất của mình, đã giải quyết một cách trùu tượng và hình thức vấn đề dân tộc và quyền bình đẳng dân tộc. Đó là sự dối trá nhằm mục đích bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, thù tiêu đấu tranh (Luận cương 1). Đối vấn đề dân tộc trong nội bộ một quốc gia, giai cấp tư sản chỉ tuyên bố bằng lời nói suông về nguyên tắc bình đẳng dân tộc cũng như quyền lợi của các dân tộc thiểu số (Luận cương 9). Về quan hệ quốc tế, các phần tử tư sản và tiểu tư sản trong Quốc tế II tuy thừa nhận chủ nghĩa quốc tế nhưng trên thực tế lại lấy chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa hoà bình tiểu tư sản với những thành kiến giai cấp, thành kiến dân tộc, tính ích kỷ dân tộc để thay thế cho chủ nghĩa quốc tế (Luận cương 10). Với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, giai cấp tư sản dùng chiêu bài xây dựng những quốc gia độc lập về phương diện chính trị nhưng



trên thực tế lại tạo ra những quốc gia hoàn toàn phụ thuộc vào chúng về phương diện kinh tế, tài chính và quân sự (Luận cương 11).

*Thứ hai*, nhiệm vụ của các đảng cộng sản và Quốc tế Cộng sản là đấu tranh chống chế độ dân chủ tư sản và vạch trần sự dối trá và giả nhân giả nghĩa của nó. Khi nhận thức và giải quyết con đường dân tộc, các đảng cộng sản tuân theo không phải những nguyên tắc trừu tượng và hình thức mà là những nguyên tắc duy vật biện chứng về lịch sử (Luận cương 2). Chính sách quan trọng nhất của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa là phải làm sao cho giai cấp vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và các nước "gắn gũi" nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản (Luận cương 4). Chiến thắng chủ nghĩa tư bản là điều kiện để thủ tiêu ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng (Luận cương 3). Giai cấp vô sản thế giới cần thiết phải hướng tới và thực hiện liên bang, liên minh liên bang thông qua việc xây dựng một liên minh về chính trị, liên minh về kinh tế và một nền kinh tế thế giới quản lý theo kế hoạch bởi giai cấp vô sản tất cả các dân tộc (Luận cương 7,8). Các đảng cộng sản cần thừa nhận *một cách hiện thực* quyền dân tộc bình đẳng đồng thời cần khắc phục tính ích kỷ dân tộc trong nội bộ một quốc gia đa dân tộc cũng như giữa các dân tộc trên toàn thế giới. Trong cuộc đấu tranh chung, một mặt phải đặt lợi ích của bộ phận phụ thuộc lợi ích của toàn thể, mặt khác các dân tộc đã chiến thắng giai cấp tư sản nước mình phải hy sinh tranh đấu lật đổ tư bản quốc tế (Luận cương 10). Đối với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, các đảng cộng sản trên thế giới cũng như giai cấp công nhân chính quốc phải ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của họ, tập hợp và giáo

dục cho những phân tử của *đảng vô sản tương lai* ở các nước này hiểu nhiệm vụ của họ là đấu tranh chống phong trào dân chủ tư sản trong nội bộ dân tộc họ; về sách lược, nên lập khối liên minh giữa phong trào vô sản và phái dân chủ tư sản, tuy không bao giờ được sáp nhập với phái đó (Luận cương 11). Các đảng cộng sản cần đặc biệt chú ý đến những yếu tố dân tộc ở các nước thuộc địa và chậm phát triển (Luận cương 11,12).

Thông qua 12 luận cương, Lênin đã đặt ra một loạt các vấn đề có tính nguyên tắc cũng như những hướng giải quyết vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa - đây là một bước phát triển của Lênin đối với lý luận của chủ nghĩa Mác.

Chúng ta biết rằng Mác và Ăngghen lúc sinh thời chưa bàn nhiều đến vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Có nhiều lý do song trước hết là do thực tiễn phong trào cách mạng ở châu Âu lúc đó đòi hỏi Mác, Ăngghen phải tập trung giải quyết vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp. Hơn nữa do sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, với việc phá vỡ tình trạng cát cứ phong kiến do sự phát triển của kinh tế thị trường hàng hoá, các quốc gia - dân tộc ở châu Âu đã ra đời. Việc giải quyết vấn đề dân tộc, do đó là hệ quả của việc giải quyết vấn đề giai cấp.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* Mác, Ăngghen đã viết: "Hãy xoá bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ."

Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng mất theo" [1 tr.565].

*Tuyên ngôn* ra đời năm 1848 và được tái bản nhiều lần. Mỗi lần tái bản, trong *Lời tựa*, Mác, Ăngghen cũng tổng kê



những vấn đề mới mà thực tiễn đặt ra và đưa ra những điều chỉnh cũng như bổ sung cần thiết. Về vấn đề dân tộc, trong *Lời tựa* cho lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan năm 1892, Ăngghen đã viết như sau: "Chỉ có thể có được sự hợp tác quốc tế thành thực giữa các dân tộc châu Âu, khi nào mỗi dân tộc đó là người chủ tuyệt đối trong nhà mình", với dân tộc Ba Lan "chỉ có giai cấp vô sản Ba Lan trẻ tuổi mới có thể giành được nền độc lập đó, và nằm trong tay họ, nền độc lập đó sẽ được bảo vệ chắc chắn"[1, tr.529, 530]. Đến *Lời tựa* cho lần xuất bản Tuyên ngôn bằng tiếng Italia năm 1893, Ăngghen nhấn mạnh: "Không khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hoà bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung"[1, tr.534].

Như thế, từ 1848 đến 1893, nhận thức của Mác, Ăngghen đã có những bước phát triển, với nội dung cơ bản là giải phóng dân tộc là điều kiện để đoàn kết quốc tế chống chủ nghĩa tư bản, và nhiệm vụ giải phóng dân tộc là sứ mệnh của giai cấp công nhân.

Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc. Quy luật lợi nhuận đã biến giai cấp tư sản từ chỗ chỉ là kẻ bóc lột giai cấp vô sản nước mình trở thành kẻ đi bóc lột giai cấp vô sản và nhân dân lao động các dân tộc nhược tiểu khác thông qua quá trình xâm chiếm thuộc địa. Đối với các nước tư bản, thuộc địa là nơi cung cấp nhân lực, tài lực, vật lực hết sức quan trọng. Hồ Chí Minh đã mô tả điều đó một cách hình tượng bằng hình ảnh con đĩa hai vôi. Chủ nghĩa tư bản như con đĩa có một vôi hút máu giai cấp vô sản, nhân dân lao động chính quốc, một vôi hút máu giai cấp vô sản và nhân dân lao động thuộc địa.

Đây cũng là thời kỳ phát triển mạnh mẽ cuộc đấu tranh giai cấp vô sản ở các nước tiên tiến và cách mạng dân tộc ở các nước thuộc địa. Thực tiễn cách mạng này càng thúc đẩy sự cần thiết và tạo điều kiện hiện thực cho sự hình thành khối đoàn kết giai cấp vô sản và nhân dân lao động quốc tế. Các quan điểm về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin ra đời trong bối cảnh đó đã mang những nội dung phong phú hơn so với quan điểm của Mác, Ăngghen.

3. Sự trình bày ở trên cho thấy, tuy Luận cương không trực tiếp bàn về cách mạng Việt Nam, song lại có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng giúp nhận thức đúng đắn và từ đó tìm ra phương hướng cho việc giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong xã hội Việt Nam. Chính điều đó đã có sức hấp dẫn to lớn đối với Hồ Chí Minh và có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với việc Hồ Chí Minh lựa chọn chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động cho cách mạng Việt Nam và khẳng định cách mạng Việt Nam muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Có thể khái quát những ảnh hưởng ấy trên mấy điểm sau.

Điểm thứ nhất là Lênin đã nêu ra những *nguyên tắc duy vật biện chứng về lịch sử* trong phân tích cấu trúc nội bộ một dân tộc cũng như quan hệ giữa các dân tộc. Cốt lõi của những nguyên tắc này là "Thứ nhất, là sự đánh giá đúng tình hình lịch sử cụ thể, và trước hết, là tình hình kinh tế; thứ hai, là phân biệt rõ rệt lợi ích của giai cấp bị áp bức, của những người lao động, của những người bị bóc lột, với cái khái niệm chung về lợi ích của nhân dân nói chung, nó chỉ biểu hiện những lợi ích của giai cấp thống trị; thứ ba, là phân biệt thật rõ rệt những dân tộc bị áp bức, phụ thuộc, không được hưởng quyền bình đẳng, với



những dân tộc đi áp bức, bóc lột, được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi”[6, tr.196-197].

Những nguyên tắc này có ảnh hưởng quyết định tới sự đúng, sai trong nhận thức kẻ thù và việc tập hợp, tổ chức lực lượng cách mạng trong cách mạng giải phóng dân tộc. Do đó, có vai trò quyết định sự thành, bại của cách mạng. Đây là những nguyên tắc phương pháp luận hết sức mới mẻ đối với những nhà yêu nước và cách mạng Việt Nam.

Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, triều đình Tự Đức cũng như các nhà yêu nước đã nhận thức hiện thực lịch sử bằng phương pháp tư duy dựa trên những quan điểm của hệ tư tưởng Nho giáo. Chẳng hạn, khi nước ta đã mất một phần lãnh thổ vào tay thực dân Pháp, Tự Đức vẫn coi Pháp như một nước “láng giềng” và ao ước “nếu được nước láng giềng cảm lòng thành thực trả lại ngay cho trẫm được thấy trước khi nhắm mắt thì quả là nghĩa lớn”; Nguyễn Trường Tộ thì nghĩ “Xưa nay chưa có ai buôn bán mà âm mưu chiếm nước người bao giờ” và “bọn Pháp đến đây chẳng qua muốn xin mình một vài miếng đất mà thôi”; Phan Thanh Giản thì đưa ra đối sách “Ngồi mà trấn tĩnh, không phải lo ngại, không có mưu kế gì khác, duy chỉ giữ sự tín thực cho họ mến, bỏ sự nghi ngờ, thì dù kẻ kia tráo trở đến đâu cũng tự yên”[5, tr.192-195], v.v... Đó là những nhận thức ấu trĩ nhưng là tất yếu với phương thức tư duy cũ.

Hệ quả là những người lãnh đạo đã không nhận thức đúng chân tướng kẻ thù cũng như bản chất cuộc xâm lược, điểm mạnh và điểm yếu của thực dân Pháp. Ngay cả sau này, những nhà trí thức yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, v.v., tuy đã tiếp xúc với tư tưởng tư sản, thậm chí với xã hội tư bản, nhưng về

thực chất vẫn chưa bao giờ thoát ra khỏi lối tư duy cũ. Các ông vẫn đồng nhất thực dân Pháp với dân tộc Pháp nói chung, cuộc chiến đấu giữa kẻ đi xâm lược và người tự vệ suy cho cùng vẫn là cuộc đấu tranh mang tính chủng tộc. Các ông không nhận thức được rằng, trong mối quan hệ với cả dân tộc Việt Nam, thực dân Pháp là kẻ áp bức dân tộc. Trong mối quan hệ với các giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động Việt Nam, thực dân Pháp là kẻ áp bức giai cấp. *Áp bức giai cấp là bản chất của áp bức dân tộc trong thời đại tư bản tài chính và chủ nghĩa đế quốc.* Sức mạnh mà thực dân Pháp sử dụng để áp bức và thống trị dân tộc Việt Nam không phải chỉ là sức mạnh của một nền văn minh tư sản ở trình độ phát triển cao, mà còn là sức mạnh của cả khối liên minh của giai cấp tư sản trên phạm vi thế giới.

Phương pháp tư duy cũ còn có nhiều hạn chế trong việc xác định đường lối đấu tranh, lực lượng lãnh đạo, phương thức đấu tranh, tổ chức lực lượng cách mạng, v.v.. Các cuộc khởi nghĩa, các phong trào yêu nước của nhân dân ta tuy chứa đựng tinh thần anh dũng quật cường nhưng phần lớn mang đậm màu sắc phong kiến hoặc dân chủ tiểu tư sản. Sự thất bại của các phong trào này có một nguyên nhân quan trọng là đã không giải quyết tốt nhiệm vụ tổ chức lực lượng cách mạng. Ngay Phan Bội Châu, mặc dù chủ trương bạo động, chủ trương đoàn kết dân tộc, song vẫn không đánh giá đúng sức mạnh, khả năng cách mạng và vị trí của từng giai cấp, tầng lớp trong lực lượng cách mạng, không nhận thức được động cơ cách mạng cũng như mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, từ đó không có những biện pháp thích hợp để tập hợp, tổ chức khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của



cả dân tộc. Phan Bội Châu và hầu hết các nhà yêu nước Việt Nam khác còn xa lạ với phương pháp phân tích giai cấp trên lập trường chủ nghĩa Mác-Lênin.

Những sai lầm này đã dẫn tới kết cục thất bại của các phong trào yêu nước, sự chán nản, mất niềm tin vào sức mạnh của chính mình, từ đó, hoặc không dám lựa chọn con đường bạo lực, hoặc muốn đi tìm một sức mạnh trợ giúp từ bên ngoài. *Phương pháp tư duy dựa trên những hệ tư tưởng phong kiến cũng như hệ tư tưởng tư sản đã bất lực trong việc nhận thức và giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đặt ra.*

Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên đã áp dụng các nguyên tắc nhận thức mác-xít vào phân tích tình hình Việt Nam nói riêng, tình hình thuộc địa nói chung. Một loạt các bài viết của Hồ Chí Minh trong những năm từ 1921 đến 1924 về thuộc địa được đánh giá là "đã góp phần đào sâu và phát triển lý luận của chủ nghĩa Lênin đối với các vấn đề dân tộc và thuộc địa"[2, tr.89]. Người đã vạch trần sự giả dối của thứ *Tự do, Bình đẳng, Bác ái*, của *sứ mệnh khai hoá văn minh* mà thực dân Pháp rêu rao với những luận cứ và luận chứng khoa học, phân biệt rõ đối tượng của cách mạng là thực dân Pháp và sau này là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, từ đó tạo nên một sức mạnh đoàn kết quốc tế rộng lớn với nhân dân Pháp, Mỹ và các lực lượng tiến bộ trên thế giới, phân hoá, cô lập kẻ thù, đánh địch ngay ở hậu phương của chúng, góp phần quan trọng đưa tới thắng lợi của cách mạng.

Cũng trên cơ sở phân tích một cách sâu sắc các giai cấp, tầng lớp xã hội ở Việt Nam, phân tích mâu thuẫn giai cấp, đấu tranh giai cấp, v.v... Hồ Chí Minh đã tìm ra những phương thức đúng đắn để giáo

duc, tập hợp, tổ chức và lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc để chiến thắng kẻ thù. Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo các nguyên tắc duy vật biện chứng về lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Đây chính là những *nguyên tắc tư duy chính trị* rất có giá trị trong việc xây dựng chiến lược Đại đoàn kết dân tộc của cách mạng nước ta.

**Điểm thứ hai** là vấn đề đoàn kết quốc tế giữa giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức. Tư tưởng chủ yếu của Lênin trong *Luận cương* về vấn đề này là, nhiệm vụ xây dựng khối đoàn kết quốc tế giữa giai cấp vô sản và nhân dân lao động của các dân tộc có ý nghĩa "đảm bảo việc chiến thắng chủ nghĩa tư bản". Lênin viết: Nếu "không có sự cố gắng tự nguyện tiến tới sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới, thì không thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản được"[7, tr.206]. Như thế việc gắn kết phong trào giải phóng dân tộc với phong trào công nhân có ý nghĩa sống còn, là điều kiện tiên quyết trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Do đó, Quốc tế Cộng sản và các đảng cộng sản chính quốc phải coi việc quan tâm đến cách mạng thuộc địa là một nhiệm vụ quan trọng, thậm chí là tiêu chí phân biệt một chính đảng đích thực của giai cấp công nhân với những đảng của giai cấp tư sản, của những phần tử cơ hội. Hơn thế, sự quan tâm ấy phải được thể hiện bằng những biện pháp thiết thực, cụ thể, bằng những "hình thức phù hợp". Hồ Chí Minh đã nhận xét như sau: "Lênin là người đầu tiên đã chỉ rõ khả năng nếu không có sự tham gia của các nước thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được"[4, tr.136].



Khi nói tới những biện pháp cụ thể mà Quốc tế Cộng sản và các đảng cộng sản cần làm để giúp đỡ cách mạng thuộc địa, Lênin đã đặt ra vấn đề “những phần tử của các đảng vô sản tương lai (ở các nước thuộc địa - LQK), - các đảng thực sự cộng sản chứ không phải là trên danh nghĩa, - được tập hợp và được giáo dục...”[7, tr.204]. Luận điểm này, theo chúng tôi, đã có ảnh hưởng rất tích cực đối với Hồ Chí Minh, giúp Người thấy ra rằng cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam muốn thành công phải có sự lãnh đạo của một đảng cộng sản. Trong *Đường Kách mệnh*, Hồ Chí Minh đã viết: Cách mệnh “trước hết phải có đảng cách mệnh...”[4, tr.267]. Từ nhận thức ấy, toàn bộ hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh từ 1920 đến 1930 qua các giai đoạn Pari, Mátxcơva, Quảng Châu chính là để chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

Mặt khác, từ tư tưởng chỉ đạo của Lênin, những hoạt động của Quốc tế III, của các đảng cộng sản trên thế giới, nhất là đảng Bôn-sê-vích Nga, Đảng Cộng sản Pháp, sự ra đời và hoạt động của Trường Đại học Phương Đông, v.v., là những nhân tố trực tiếp thúc đẩy cách mạng Việt Nam phát triển.

Tuy nhiên, chúng ta cần lưu ý, mặc dù cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc có vai trò quan trọng, song Lênin vẫn khẳng định sự thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc bị lệ thuộc vào sự thắng lợi của cách mạng vô sản chính quốc, hay nói đúng hơn là bị lệ thuộc vào sự thắng lợi của giai cấp vô sản trên phạm vi toàn thế giới. Lênin viết: “Nếu không có chiến thắng đó thì không thể thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng”[7, tr.199].

Hồ Chí Minh, trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình thuộc địa, đã tiếp tục bổ sung và phát triển quan điểm của Lênin khi chỉ ra: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh gạt bỏ sự đê tiện của bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em của mình trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”[3, tr.36]; “cách mạng của giai cấp vô sản Pháp không thể thắng lợi nếu không hợp tác chặt chẽ với những người bị bóc lột ở các nước thuộc địa nói chung và ở Đông Dương nói riêng”[3, tr.159].

Điểm thứ ba là những ý kiến của Lênin về những yếu tố dân tộc ở các nước thuộc địa. Lênin kịch liệt phê phán “tinh thần ích kỷ dân tộc”, “những thành kiến dân tộc tiểu tư sản thâm căn cố đế”... coi đó là những biểu hiện khác nhau của chủ nghĩa dân tộc tiểu tư sản, và đặc biệt lưu ý hai vấn đề: *Thứ nhất*, sự nghi kỵ của quần chúng cần lao “đối với các dân tộc đi áp bức nói chung, kể cả đối với giai cấp vô sản của các dân tộc đó”[7, tr.205]; *Thứ hai*, “một nước càng lạc hậu thì nền tiểu sản xuất nông nghiệp, tính chất gia trưởng và lạc hậu ở đó lại càng mạnh mẽ, tình trạng đó không thể không làm cho những thành kiến tiểu tư sản thâm căn cố đế nhất nhu tinh thần ích kỷ dân tộc, hẹp hòi dân tộc, có một sức mạnh đặc biệt và tính dai dẳng (chúng tôi nhấn mạnh - LQK)”[7, tr.205]. Đây là những lưu ý cực kỳ quan trọng của Lênin, đặc biệt ở vấn đề thứ hai. Nếu vấn đề thứ nhất chỉ ra một nguy cơ có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện khối đoàn kết quốc tế - và do đó, ảnh hưởng đến việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời



đại, thì vấn đề thứ hai đề cập đến vấn đề dân tộc và sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc.

Giá trị của những luận điểm trên của Lênin không phải ở chỗ vấn đề đã được đề cập toàn diện, đầy đủ hay chưa, mà là ở chỗ nó định hướng cho nhận thức, và nhận thức theo định hướng ấy là phù hợp với tình hình Việt Nam. Ở Việt Nam, về mặt giai cấp, cuộc đấu tranh giai cấp trong nội bộ nhân dân không diễn ra giống như ở phương Tây, người lao động không giác ngộ, nhẫn nhục, vô tổ chức; bọn chủ không có máy móc; địa chủ chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùng tên họ ở châu Âu và châu Mỹ; thợ phụ chỉ là những tên trục lợi khá giả; nông dân chẳng có gì, chỉ sống bằng cái tối thiểu; thợ thuyền không biết mình bị bóc lột, chẳng có công đoàn; chủ không hề biết công cụ để bóc lột là máy móc và chẳng có tờ rớt. “Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu”[3, tr.464]. Mâu thuẫn giai cấp chủ yếu trong xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân lao động với *địa chủ và tư bản Pháp*. Còn về mặt dân tộc, địa vị người dân mất nước đã tạo khả năng đoàn kết toàn thể dân tộc, khả năng này càng tăng lên khi mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ nhân dân được giảm thiểu (như nói ở trên), để tập trung toàn bộ sức mạnh đấu tranh vào kẻ đi áp bức dân tộc là *thực dân Pháp*.

Trong một xã hội như vậy, nếu máy móc áp dụng lý thuyết đấu tranh giai cấp thì không những không tạo ra sức mạnh để tập trung vào kẻ thù chính của dân tộc, mà trái lại còn gây ra sự suy yếu cho khối đại đoàn kết toàn dân. Với một sự hiểu biết sâu sắc về dân tộc, với một sự mẫn cảm chính trị và một tư duy độc lập, sáng tạo, Hồ Chí Minh đã nắm bắt được hạt ngọc quý về vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Lênin và đẩy lên một mức độ sâu sắc hơn. Theo đường hướng tư duy mà Lênin đã vạch ra, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”; “Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản... Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời”[3, tr.466, 467]. Chủ nghĩa dân tộc với tính cách là động lực lớn của đất nước trong tư tưởng Hồ Chí Minh khác chủ nghĩa dân tộc trong tư duy chính trị truyền thống ở nền tảng lý luận mác-xít của nó.

Tóm lại, Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin chưa phải là toàn bộ lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, song nó là cầu nối đưa Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác-Lênin. Luận cương và sau Luận cương là chủ nghĩa Mác-Lênin đã cung cấp cho Hồ Chí Minh cơ sở lý luận và phương pháp luận quan trọng để giải quyết *vấn đề kép* của cách mạng Việt Nam: *Nhận thức đúng đắn hiện trạng xã hội Việt Nam và trên cơ sở nhận thức ấy, xây dựng lý luận về con đường cách mạng Việt Nam*.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các Mác và Phridrich Ăngghen, *Tuyển tập*, tập 1, NXB Sự Thật, H, 1980.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, H, 1995.
3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, H, 1995.
4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, H, 1996.



5. Lê Sĩ Thắng, *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 2, NXB KHXH, H, 1997.
6. V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 41, NXB Tiến bộ, Mátxcơva, 1977.
7. Chương trình KX.02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh", Đề tài KX.02.09: *Giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, NXB Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I và Viện Thông tin Khoa học Xã hội, H, 1993.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T XXI, N<sub>o</sub>1, 2005

## HO CHI MINH AND THE FIRST DRAFT OF THESIS ON NATIONAL AND COLONIAL MATTER OF V.I LENIN.

MA. Lai Quoc Khanh

*College of Social Sciences and Humanities, VNU*

The paper has three sections. The first section asserts the influence of the Thesis of Lenin on Ho Chi Minh through the comments, assessments of Ho Chi Minh himself on the Thesis. The second section summaries the main contents of the Thesis. The third section analyzes the influences of the Thesis on Ho Chi Minh . The conclusion of the paper is that " the Thesis and the later Mac-Leninism provided for Ho Chi Minh important theoretical and methodological basis for solving *dual matters* of Vietnam revolution that is "*right awareness of existing Vietnam society and making the theory on Vietnam revolution way basing on that awareness*".